TAND HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HS-ST
Ngày: 31/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Tuyên.
2. Ông Phạm Xuân Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31tháng 10 năm 2019, tại TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Thị Thùy L**, sinh 17/11/1997.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm B, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Dương Văn H, sinh năm 1974; Con bà Vũ Thị H1, sinh năm 1974 - Đều làm ruộng tại xóm Đ, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ nhất. Chồng Nguyễn Văn K, sinh năm 1986, trú tại xóm B, xã T, huyện Đại Từ. Có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa*.

**** Bị hại***: Chị Hoàng Thị H2, sinh năm 1992 (*Vắng mặt*).

Trú quán: xóm Đ, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**** Người làm chứng***: Anh Nguyễn Duy A, sinh năm 1986 (*Vắng mặt*).

Trú quán: xã H, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Thị Thùy L và chị Hoàng Thị H2, sinh năm 1992, trú tại xóm Đ, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cùng làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn SRTech (*gọi tắt là công ty SR tech*) có địa chỉ tại thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định, Công ty SRTech sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (*viết tắt theo tiếng Anh là BIDV*), chi nhánh Nam Thái Nguyên để trả tiền lương hàng tháng cho công nhân. Do làm cùng công ty, đi làm cùng nhau và thường xuyên nói chuyện với nhau nên L biết chị H2chưa nhận thẻ ATM do công ty SRTech cấp phát, chị H2thường để chứng minh nhân dân trong tủ để đồ cá nhân tại công ty, khóa tủ đựng đồ chị H2để trong túi đựng thẻ ra vào công ty. Khi được công ty trả lương, chị H2thường mang chứng minh nhân dân ra ngân hàng để rút tiền lương hàng tháng, nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền lương trong thẻ ATM của chị H2. Khoảng cuối tháng 6/2019 (*không nhớ ngày cụ thể*), L viện cớ mượn thẻ ra vào công ty của chị H2mục đích, L lấy chìa khóa, mở tủ đựng đồ cá nhân của chị H2 ở công ty, lấy chứng minh nhân dân của chị H2, mang lên phòng Hành chính nhân sự của Công ty SRTech ký nhận để lấy thẻ ATM của chị H2, sau đó dùng thẻ ATM của chị H2 rút tiền lương của chị H2. Do không biết được ý định của L, nên chị H2đã đồng ý cho L mượn túi đựng thẻ của chị H2. Sau khi mượn được túi đựng thẻ, L đã đến vị trí ngăn tủ mở lấy chứng minh thư nhân dân của chị H2rồi trả lại thẻ cho chị H2. Đến ngày 16/7/2019 L biết công ty đã thanh toán tiền lương tháng 6/2019 cho công nhân, nên L mang thẻ ATM của chị H2đi đến cây ATM của Ngân hàng An Bình tại thị trấn Hùng Sơn rút toàn bộ số tiền 7.100.000 đồng trong tài khoản của chị H2đem về nH2cất giấu.

Ngày 17/7/2019 chị H2tìm chứng minh nhân dân để đi rút tiền thì không thấy nên mang bản sao chứng minh nhân dân đến Ngân hàng An Bình để rút tiền thì phát hiện toàn bộ số tiền lương tháng 6/2019 là 7.100.000 đồng không có trong tài khoản nên chị H2đã khiếu nại đến công ty SRTech. Quá trình giải quyết khiếu nại của chị H2, đại diện Công ty SRTech thông báo cho chị H2biết là có người dùng chứng minh nhân dân của chị H2đến phòng Hành chính nhân sự kí tên "H2" và nhận phong bì bên trong có thẻ ATM và mã pin. Công ty SR tech đã liên hệ với Ngân hàng BIDV để kiểm tra thì được biết đã có người sử dụng thẻ ATM của chị H2rút số tiền 7.100.000 đồng tại Ngân hàng An Bình, chi nhánh Đại Từ vào khoảng thời gian từ 17 giờ 22 phút 57 giây đến 17 giờ 25 phút 02 giây ngày 16/7/2019. Khi làm việc với công ty, chị H2có cung cấp thông tin cuối tháng 6/2019 có cho L mượn thẻ ra vào công ty, trong đó có để chìa khóa tủ đựng đồ cá nhân tại công ty nên ông Nguyễn Duy Anh, sinh năm 1986, là trưởng phòng Hành chính nhân sự của Công ty SRTech đã mời L lên làm việc thì L đã thừa nhận lấy chứng minh nhân dân của chị H2để lấy thẻ ATM của chị H2, sau đó dùng thẻ ATM rút số tiền 7.100.000 đồng trong thẻ ATM của chị H2tại cây ATM của Ngân hàng An Bình tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ vào khoảng 17 giờ 20 phút ngày 16/7/2019 và hẹn đến ngày 22/7/2019 sẽ trả lại số tiền trên cho chị H2. Nhưng sau đó L tự ý nghỉ việc tại Công ty SRTech và không trả lại tiền cho chị H2.

Do L không trả tiền như đã hẹn, nên ngày 22/7/2019 chị Hoàng Thị H2đã làm đơn trình báo Công an huyện Đại Từ đề nghị giải quyết.

Ngày 8/8/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đại Từ đã tiến hành khám nghiệm hiện trường tại công ty SR tech, thu giữ trong ngăn tủ cá nhân của L 01 chứng minh nhân dân số 091855599 mang tên Hoàng Thị H2.

Tại bản cáo trạng số 93/CT-VKSĐT ngày 07/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Dương Thùy L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Dương Thị Thùy L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; áp dụng: khoản 1 Điều 173 của BLHS, điểm b,i,s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt: bị cáo Dương Thị Thùy L mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan, bị cáo ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt, được cải tạo tại địa phương để nuôi con nhỏ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo; bị hại, người làm chứng ...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo L khai nhận: Khoảng cuối tháng 6/2019 (*không nhớ ngày cụ thể*), lợi dụng sở hở của chị Hoàng Thị H2, Dương Thị Thùy L đã lấy trộm chứng minh nhân dân của chị H2rồi lên phòng Hành chính nhân sự Công ty TNHH SR tech ký nhận lấy thẻ ATM của chị H2với mục đích để khi nào công ty trả lương, L sẽ sử dụng thẻ ATM của chị H2rút tiền trong tài khoản của chị H2. Ngày 16/7/2019, tại cây ATM của Ngân hàng An Bình thuộc thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, L đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 7.100.000 đồng trong thẻ ATM của chị Hoàng Thị H2.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, thỏa mãn các cấu thành cơ bản của Điều 173 BLHS.

Nội dung khoản 1 Điều 173 BLHS quy định

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

[3]. Xét tính chất vụ án: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, cụ thể là số tiền lương 7.100.000đ của chị Hoàng Thị H2, với lỗi cố ý trực tiếp.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: bị cáo đã hoàn trả đầy đủ số tiền 7.100.000đ cho chị H2; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nghiệm hình sự quy định tại các điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo còn được phía người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường gì. Do đó, HĐXX không xem xét trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[7]. Về vật chứng của vụ án: 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị H2và số tiền 7.100.000 đồng, bị cáo L đã giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 7/8/2019. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ, trả lại cho chị H2. Chị H2đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

[8]. Về hình phạt: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; đã khắc phục đầy đủ hậu quả; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; là phụ nữ đang nuôi con nhỏ ... Vì vậy, khi lượng hình HĐXX sẽ cân nhắc để có mức hình phạt cho phù hợp, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy, bị cáo không có công ăn, việc làm ổn định, có điều kiện, hoàn cảnh khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Dương Thị Thùy L** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Dương Thị Thùy L 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo L cho UBND xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Dương Thị Thùy L.

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 47; Điều 136 BLTTHS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã T;
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên